

Số: /TB-CT

An Giang, ngày tháng năm

THÔNG BÁO

Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 209/2013/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế GTGT

Ngày 29/7/2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 49/2022/NĐ-CP quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế GTGT đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP, Nghị định số 100/2016/NĐ-CP và Nghị định số 146/2017/NĐ-CP. Để cập nhật thông tin và thực hiện đúng pháp luật về thuế, Cục Thuế thông báo đến người nộp thuế trên địa bàn tỉnh An Giang nội dung của Nghị định này như sau:

1. Giá tính thuế GTGT đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, giá tính thuế GTGT là giá chuyển nhượng bất động sản trừ (-) giá đất được trừ để tính thuế GTGT.

1.1. Xác định giá đất được trừ để tính thuế GTGT

Theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 49/2022/NĐ-CP thì có 6 trường hợp giá đất được trừ để tính thuế GTGT, cụ thể như sau:

- Trường hợp được Nhà nước giao đất để đầu tư cơ sở hạ tầng xây dựng nhà để bán, giá đất được trừ để tính thuế GTGT bao gồm tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật về thu tiền sử dụng đất và tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có).

- Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất thì giá đất được trừ để tính thuế GTGT là giá đất trúng đấu giá.

- Trường hợp thuê đất để xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, giá đất được trừ để tính thuế GTGT là tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có).

Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng (nêu trên) là số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp theo quy định pháp luật về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

- Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân thì giá đất được trừ để tính thuế GTGT là giá đất tại thời điểm

nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất không bao gồm giá trị cơ sở hạ tầng. Cơ sở kinh doanh được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào của cơ sở hạ tầng (nếu có). Trường hợp không xác định được giá đất tại thời điểm nhận chuyển nhượng thì giá đất được trừ để tính thuế GTGT là giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định tại thời điểm ký hợp đồng nhận chuyển nhượng.

Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận chuyển nhượng bất động sản của các tổ chức, cá nhân đã xác định giá đất bao gồm cả giá trị cơ sở hạ tầng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP) thì giá đất được trừ để tính thuế GTGT là giá đất tại thời điểm nhận chuyển nhượng không bao gồm cơ sở hạ tầng.

Trường hợp không tách được giá trị cơ sở hạ tầng tại thời điểm nhận chuyển nhượng thì giá đất được trừ để tính thuế GTGT là giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định tại thời điểm ký hợp đồng nhận chuyển nhượng.

- Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân thì giá đất được trừ để tính thuế GTGT là giá ghi trong hợp đồng góp vốn. Trường hợp giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thấp hơn giá đất nhận góp vốn thì chỉ được trừ giá đất theo giá chuyển nhượng.

- Trường hợp cơ sở kinh doanh bất động sản thực hiện theo hình thức xây dựng - chuyển giao (BT) thanh toán bằng giá trị quyền sử dụng đất thì giá đất được trừ để tính thuế GTGT là giá tại thời điểm ký hợp đồng BT theo quy định của pháp luật; nếu tại thời điểm ký hợp đồng BT chưa xác định được giá thì giá đất được trừ là giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định để thanh toán công trình.

1.2. Khai thuế GTGT theo tiến độ thu tiền

Trường hợp xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, chuyển nhượng hoặc cho thuê; giá tính thuế GTGT là số tiền thu được theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng trừ (-) giá đất được trừ tương ứng với tỷ lệ % số tiền thu được trên tổng giá trị hợp đồng.

1.3. So với quy định hiện hành thì Nghị định số 49/2022/NĐ-CP có các điểm cần lưu ý như sau

- Trường hợp được nhà nước cho thuê đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất để xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, giá đất được trừ ngoài tiền thuê đất/tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách nhà nước, thì còn được trừ số “*tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng*” thay thế cho “*chi phí đền bù, bồi thường, giải phóng mặt bằng*” theo quy định hiện hành và số “*tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng*” phải “*theo phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt*”.

- Đối với cơ sở kinh doanh nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của cá nhân, tổ chức thì giá đất được trừ không bao gồm giá trị cơ sở hạ tầng; so với quy định hiện hành, giá đất được trừ bao gồm cả giá trị cơ sở hạ tầng.

2. Giá tính thuế GTGT đối với hoạt động sản xuất điện

Theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 49/2022/NĐ-CP, bãi bỏ quy định Điều 2 Nghị định số 10/2017/NĐ-CP ngày 09/02/2017 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 4 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013. Theo đó, đã bổ sung quy định về giá tính thuế đối với điện của công ty nhiệt điện và công ty sản xuất điện thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam. Điểm lưu ý là giá tính thuế GTGT tính thống nhất cho từng địa phương có nhà máy thủy điện là 35%, so với quy định hiện hành thì cách tính đơn giản hơn; riêng trường hợp chưa có giá bán điện thì giá tính thuế là giá bán lẻ điện bình quân chưa bao gồm thuế GTGT. Cụ thể như sau:

2.1. Đối với điện của công ty thủy điện

Đối với điện của các công ty thủy điện hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, hạch toán phụ thuộc các Tổng công ty phát điện, giá tính thuế GTGT để xác định số thuế GTGT nộp tại địa phương nơi có nhà máy thủy điện được tính bằng 35% giá bán lẻ điện bình quân chưa bao gồm thuế GTGT theo quy định của pháp luật điện lực và pháp luật giá.

2.2. Đối với điện của các công ty nhiệt điện

Đối với điện của các công ty nhiệt điện hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, hạch toán phụ thuộc các Tổng công ty phát điện, giá tính thuế GTGT để xác định số thuế GTGT nộp tại địa phương nơi có nhà máy nhiệt điện là giá bán điện cho khách hàng ghi trên hóa đơn theo hợp đồng mua bán điện áp dụng cho từng nhà máy nhiệt điện.

Trường hợp chưa có hợp đồng mua bán điện áp dụng cho từng nhà máy nhiệt điện thì giá tính thuế GTGT được xác định là giá bán lẻ điện bình quân chưa bao gồm thuế GTGT theo quy định của pháp luật điện lực và pháp luật giá.

2.3. Đối với điện của các công ty sản xuất điện (trừ thủy điện, nhiệt điện)

Đối với điện của các công ty sản xuất điện (trừ thủy điện, nhiệt điện) hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, hạch toán phụ thuộc các Tổng công ty phát điện, giá tính thuế GTGT để xác định số thuế GTGT nộp tại địa phương nơi có nhà máy sản xuất điện là giá bán điện chưa có thuế GTGT do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định cho từng loại hình phát điện.

Trường hợp chưa có giá bán điện do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định cho từng loại hình phát điện nêu tại điểm này thì giá tính thuế GTGT được xác định là giá bán lẻ điện bình quân chưa bao gồm thuế GTGT theo quy định của pháp luật điện lực và pháp luật giá.

3. Hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh

Tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 49/2022/NĐ-CP quy định sửa đổi về hoàn thuế GTGT đối với các dự án đầu tư; đồng thời bổ sung các trường hợp được hoàn

thuế GTGT đối với cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; cụ thể như sau:

3.1. Điều kiện để dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh được hoàn thuế GTGT

Để dự án đầu tư được hoàn thuế GTGT thì cơ sở kinh doanh phải đáp ứng đủ 3 điều kiện sau:

- Cơ sở kinh doanh đã đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ (bao gồm cả cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư).

- Có dự án đầu tư mới (bao gồm cả dự án đầu tư được chia thành nhiều giai đoạn đầu tư hoặc nhiều hạng mục đầu tư) theo quy định của Luật Đầu tư tại địa bàn cùng tỉnh, thành phố hoặc khác tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính (trừ trường hợp không được hoàn thuế theo quy định pháp luật và dự án đầu tư xây dựng nhà để bán, dự án đầu tư không hình thành tài sản cố định) đang trong giai đoạn đầu tư hoặc dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư.

- Có số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong giai đoạn đầu tư lũy kế chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên. Điểm mới so với quy định hiện hành là không còn quy định số thuế GTGT chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên, đồng thời phải có thời gian đầu tư từ 01 năm trở lên.

3.2. Trường hợp dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh đầu tư kinh doanh ngành, nghề có điều kiện được hoàn thuế GTGT

Bổ sung 3 trường hợp dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh đầu tư kinh doanh ngành, nghề có điều kiện được hoàn thuế GTGT:

- Dự án đầu tư trong giai đoạn đầu tư, theo quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo một trong các hình thức: Giấy phép hoặc giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận.

- Dự án đầu tư trong giai đoạn đầu tư, theo quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành chưa phải đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo một trong các hình thức: Giấy phép hoặc giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận.

- Dự án đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành không phải có giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo một trong các hình thức: Giấy phép hoặc giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận.

3.3. Trường hợp cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế GTGT

Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế GTGT mà được kết chuyển số thuế chưa được khấu trừ của dự án đầu tư theo pháp luật về đầu tư sang kỳ tiếp theo đối với các trường hợp:

- Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật về đầu tư, pháp luật về thuế là dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh.

Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện bị thu hồi một trong các giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc không bảo đảm duy trì đủ điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động thì không được hoàn thuế GTGT tính từ thời điểm cơ sở kinh doanh bị thu hồi các loại giấy tờ hoặc từ thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, phát hiện cơ sở kinh doanh không đáp ứng được các điều kiện về đầu tư kinh doanh có điều kiện.

- Dự án đầu tư khai thác tài nguyên, khoáng sản được cấp phép từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 hoặc dự án đầu tư sản xuất sản phẩm hàng hóa mà tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên theo dự án đầu tư, trừ dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí.

Việc xác định tài nguyên, khoáng sản; trị giá tài nguyên, khoáng sản và thời điểm xác định trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 3 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Nghị định số 146/2017/NĐ-CP).

4. Hiệu lực thi hành

- Nghị định số 49/2022/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 12 tháng 9 năm 2022.

- Quy định về hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 49/2022/NĐ-CP được áp dụng kể từ ngày Nghị định số 100/2016/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 01/7/2016).

Trường hợp cơ sở kinh doanh đã bị thu hồi số thuế GTGT của dự án đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo khoản 6 Điều 1 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP) thì cơ quan thuế điều chỉnh tiền thuế GTGT, tiền chậm nộp, tiền phạt vi phạm hành chính về thuế (nếu có). Việc bù trừ, hoàn nộp thừa thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

- Bãi bỏ quy định tại Điều 2 Nghị định số 10/2017/NĐ-CP ngày 09/02/2017 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 4 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP.

Đề nghị người nộp thuế trên địa bàn tỉnh An Giang nghiên cứu chi tiết nội dung quy định của Nghị định này và các văn bản pháp luật liên quan được đăng tải trên website của Cục Thuế tỉnh An Giang (<http://angiang.gdt.gov.vn>) và đồng thời được gửi mail qua hộp thư điện tử của doanh nghiệp, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

Cục Thuế thông báo đến người nộp thuế trên địa bàn tỉnh An Giang được biết và thực hiện đúng pháp luật về thuế. Trường hợp có vướng mắc, người nộp thuế liên hệ Cục Thuế (Phòng Tuyên truyền – Hỗ trợ người nộp thuế) qua số điện thoại: 02963.841.623 hoặc email: ttth.agi@gdt.gov.vn để được hướng dẫn và giải đáp cụ thể./.

Nơi nhận:

- Người nộp thuế trên địa bàn tỉnh An Giang;
- UBND tỉnh An Giang (để báo cáo);
- Vụ TTHT - Tổng cục Thuế (để báo cáo);
- Hiệp hội DN tỉnh An Giang;
- Báo An Giang;
- Đài Phát thanh – Truyền hình An Giang;
- Cổng thông tin điện tử AG;
- BLĐ Cục Thuế;
- Các phòng thuộc Cục Thuế;
- CCT thành phố, khu vực;
- Website:<http://angiang.gdt.gov.vn>;
- Lưu: VT, TTHT (27b + 720b-email).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Trí Dũng